

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST

Ngày: 21/5/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Ông Thái Đình Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-DS ngày 26/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số 208, tổ 1, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thy S, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 3613, tổ 7, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. *Người làm chứng:* Bà Bùi Thị D, sinh năm 1955; địa chỉ: Phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (vắng mặt – xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Vào ngày 03/4/2018, bà Lê Thy S có mượn của bà Nguyễn Thị X số tiền là 31.000.000 đồng, khi mượn có lập giấy mượn tiền, có chữ ký và chữ viết của bà Lê Thy S, có bà Bùi Thị D là người làm chứng, không thỏa thuận lãi suất, nhưng bà S hứa đến ngày 03/5/2018 trả tiền gốc và trả thêm một khoản tiền uống cà phê nhưng không thỏa thuận cụ thể bao nhiêu tiền, việc mượn tiền chỉ có mình bà S mượn không liên quan gì đến chồng bà S. Khi mượn tiền bà S có thể chấp cho bà X 01 giấy chứng minh nhân số 270665386 mang tên Lê Thy S do Công an tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cấp ngày 04/4/2015 và 01 sổ hộ khẩu số 2702059 chủ hộ là Trương H, vợ là Lê Thy S do Công an thị xã Bà Rịa cấp ngày 28/2/1996 để làm tin, hiện nay bà X đang giữ bản chính của 02 giấy tờ này. Đến hạn trả nợ bà X đã liên hệ nhiều lần với bà S để đòi tiền nhưng không được, bà S đã có biểu hiện né tránh, không chịu trả tiền nên bà X đã khởi kiện tại Tòa án. Theo đơn khởi kiện bà X yêu cầu bà S phải trả nợ cho bà số tiền gốc là 31.000.000 đồng, tiền lãi suất 2%/tháng tính từ ngày 03/5/2018 đến ngày 02/10/2018 là 3.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa bà X chỉ yêu cầu bà S trả tiền gốc, còn tiền lãi suất bà X xin rút yêu cầu. Nếu bà S trả tiền thì bà X đồng ý trả lại giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu bản chính cho bà S.

Đối với bị đơn bà Lê Thy S: Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà S không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không thu thập được lời khai của bà S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2019 người làm chứng bà Bùi Thị D trình bày:

Bà D thừa nhận bà có ký vào giấy mượn tiền lập ngày 03/4/2018 với tư cách người làm chứng, nhưng việc cho mượn tiền, giao tiền cụ thể thế nào thì bà không biết. Bà không liên quan gì đến vụ án này và xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X có cung cấp các tài liệu, chứng cứ: 01 giấy chứng minh nhân số 270665386 mang tên Lê Thy S, 01 sổ hộ khẩu số 2702059 mang tên Lê Thy S (đều là bản sao y); giấy mượn tiền lập ngày 03/4/2018 (bản chính)

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Tại phiên tòa bà X rút yêu cầu tính tiền lãi suất nên cần đình chỉ phần yêu cầu này. Đối với số tiền gốc là 31.000.000 đồng bà X khởi kiện là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu này của bà X, bà X có nghĩa trả lại cho bà S 01 giấy chứng nhân dân và 01 sổ hộ khẩu (bản chính); bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

+ Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thy S hiện đang cư trú tại thành phố Bà Rịa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người làm chứng bà Bùi Thị D vắng mặt nhưng xin xét xử vắng. Vì vậy, xét xử vắng mặt bà S, bà D là phù hợp theo quy định tại Điều 227 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa bà nguyên đơn bà Nguyễn Thị X xin rút yêu cầu khởi kiện về việc tính tiền lãi suất là 3.000.000 đồng nên cần đình chỉ yêu cầu này của bà X.

[2] Bà Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi buộc bà Lê Thy S phải trả cho bà số tiền gốc là 31.000.000 đồng, xét thấy:

2.1. Bà Nguyễn Thị X cho rằng bà Lê Thy S có vay của bà X số tiền là 31.000.000 đồng nhưng khi đến hạn trả nợ bà S không chịu trả nợ, còn đối với bà Lê Thy S không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không thể thu thập được lời khai của bà S. Tuy nhiên căn cứ vào giấy mượn tiền lập ngày 03/4/2018 do bà X cung cấp bản chính có thể hiện chữ ký và chữ viết Lê Thy S là người mượn tiền, có người làm chứng là bà Bùi Thị D, nội dung bà S mượn của bà X số tiền 31.000.000 đồng, không thể hiện lãi suất, ngày trả nợ là ngày 03/5/2018. Bản thân bà X khẳng định việc mượn tiền chỉ có bà X không liên quan đến chồng bà X. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bà Lê Thy S có mượn tiền của bà Nguyễn Thị X số tiền là 31.000.000 đồng đến nay chưa trả, đây là nợ riêng của bà S, việc bà Xu khởi kiện là có căn cứ cần chấp nhận.

2.2. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị X thừa nhận bà S có thể chấp bà 01 giấy chứng minh nhân số 270665386 mang tên Lê Thy S do Công an tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cấp ngày 04/4/2015 và 01 sổ hộ khẩu số 2702059 chủ hộ là Trương H, vợ là Lê Thy S do Công an thị xã Bà Rịa cấp ngày 28/2/1996 đều là bản chính để làm tin, mặc dù trong giấy mượn tiền ngày 03/4/2018 không thể hiện việc thế chấp, không thu thập được lời khai của bà S nhưng điều này được bà X tự nguyện thừa nhận, việc thế chấp không lập giấy tờ gì, hiện nay bà X

là người đang giữ 02 giấy tờ này. Bà S không có lời khai nhưng để giải quyết triệt để vụ án thì bà X có nghĩa vụ trả giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu bản chính nêu trên cho bà Lê Thy S.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Lê Thy S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, 227, 229 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Lê Thy S.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu tính tiền lãi suất là 3.000.000 đồng.

2. Buộc bị đơn bà Lê Thy S phải trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X số tiền là 31.000.000 đ (Ba mươi một triệu đồng) theo giấy mượn tiền lập ngày 03/4/2018. Bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thy S bản chính: 01 giấy chứng minh nhân số 270665386 mang tên Lê Thy S do Công an tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cấp ngày 04/4/2015 và 01 sổ hộ khẩu số 2702059 chủ hộ là Trương H, vợ là Lê Thy S do Công an thị xã Bà Rịa cấp ngày 28/2/1996.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền , hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

+ Buộc bị đơn bà Lê Thy S phải nộp 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền 852.000đ (Tám trăm năm mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009688 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/5/2019). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TP. Bà Rịa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Cường